TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 3- ĐỒNG NAIĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:**144/**2026/HNGĐ-ST
Ngày: 10/7/2026.
V/v *"Ly hôn,"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh .

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình

Bà Đào Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Phạm Hữu Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 513/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số:148/2026/QĐST- HNGĐ ngày 23/6/2026, giữa các đương sự

- Nguyên đơn: Ông **Lê Văn L**, sinh năm 1972;

CCCD: 036072025535 cấp ngày 25/8/2022.

Địa chỉ:Ấp S, xã B, thành phố Đ;

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Ngọc Lan H**, sinh năm 1993.

CCCD:075193006748 cấp ngày 10/5/2021;

Địa chỉ:1, tổ B, đường C, khu phố T, phường H, thành phố Đ.

(Ông L có đơn xin vắng mặt; bà H vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Ngọc Lan H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã B, thành phố Đ), hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh

phúc, sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà H nợ nần không trả làm ảnh hưởng đến cuộc sống của ông. Vợ chồng thường xuyên cải vả không tôn trọng nhau. Bà H còn dùng dao gây thương tích cho ông nhưng vì tình nghĩa vợ chồng ông không trình báo chính quyền địa phương. Ông và bà H đã ly thân khoảng hơn 6 tháng nay. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bà không yêu cầu và cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

- Bị đơn bà Trần Thị Ngọc Lan H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn L tự nguyện kết hôn với nhau năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã B, thành phố Đ), hôn nhân tự nguyện. Hiện nay hai vợ chồng đã ly thân hơn 01 tháng nay, nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đồng Nai:

+ Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết, Tòa án đã xác định đúng theo quy định pháp luật. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

+ Về việc giải quyết tranh chấp: Từ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn nguyên đơn ông Lê Văn L, cho ông Lê Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H; Về con chung: Không có; Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết; Về án phí: Ông Lê Văn L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Lê Văn L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn".

[2] Về tư cách đương sự: Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông Lê Văn L là nguyên đơn, bà Trần Thị Ngọc Lan H là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Trần Thị Ngọc Lan H hiện nay đang cư trú tại phường H, thành phố Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3- Đồng Nai.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà Trần Thị Ngọc L1 H nhưng bà H không đến Tòa tham gia phiên tòa xét xử; ông Lê Văn L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ và Điều 207, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông L, bà H cũng đảm bảo quyền lợi của đương sự.

[5] Về yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, HĐXX xét thấy: Ông Lê Văn L và bà Trần Thị Ngọc Lan H tự nguyện kết hôn vào năm 2024 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (Nay là xã B, thành phố Đ). Đối chiếu quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống theo ông L trình bày có phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bà H nợ nần không trả làm ảnh hưởng đến cuộc sống của ông. Vợ chồng thường xuyên cải vả không tôn trọng nhau. Bà H còn dùng dao gây thương tích cho ông nhưng vì tình nghĩa vợ chồng ông không trình báo chính quyền địa phương. Ông và bà H đã ly thân khoảng hơn 6 tháng nay. Xét không còn tình cảm nên ông xin ly hôn với bà H.

Theo bà H trình bày hiện nay hai vợ chồng đã ly thân hơn 01 tháng nay, nay ông L xin ly hôn thì bà không đồng ý ly hôn.

Bà H và ông L đều thừa nhận hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để hàn gắn với ông L. Từ khi hai vợ chồng ly thân đến nay ông và bà H không liên lạc, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông L vẫn cương quyết xin ly hôn do không còn tình cảm gì với bà H nữa.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa vợ chồng của ông L và bà H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Tòa án căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ông Lê Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H.

[6] Về con chung: Không có.

[7] Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

[8] Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

[9] Về ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát:

- Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trần Thị Ngọc Lan H không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn L, cho ông Lê Văn L được ly hôn với bà Trần Thị Ngọc Lan H.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí HNGĐ-ST: Ông Lê Văn L phải nộp 300.000 đồng án phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ông L đã nộp tại biên lai số 0008230 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (Nay là thi hành án dân sự thành phố Đ). Ông Lê Văn L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Trần Thị Ngọc Lan H không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn L, bà Trần Thị Ngọc Lan H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- Thi hành tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã B, thành phố Đ.
- Đương sự;
- Lưu VP- HS.

Nguyễn Thị Q

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận: THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- TAND tỉnh;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND phường An Bình,TP . Biên Hòa;
- Lưu.

Nguyễn Thị Quỳnh

TOØA AÙN NHAÂN DAÂN
THAØNH PHOÁ BIEÂN HOØA
TÆNH ÑOÀNG NAI

COÄNG HOØA XAÕ HOÄI CHUÛ NGHÓA VIEÄT NAM
Ñoäc Laäp – Töï do – Haïnh Phuùc

BIEÂN BAÛN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04/9/2020
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Vôùi hoäi ñoàng xeùt xöû sô thaåm goàm coù:

Thaåm phaùn - Chuû toïa phieân toøa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân: OÂng Trần Văn Chánh- Cán bộ hưu trí.

Bà Huỳnh Thị Kim Kiên- Hội liên hiệp phụ nữ thành phố Biên Hoà.

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 1710/2020/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 20120 về việc "Tranh chấp ly hôn", giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hằng, sinh năm 1976.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973.

Thường trú: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(Bà Hằng và ông Khoa có đơn xin xét xử vắng mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: bà Trần Thị Hằng nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trần Văn Khoa, sinh năm 1973; Địa chỉ: 26/5/15, tổ 3, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai . Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ngày 31/7/2020 ông Trần Văn Khoa có đơn xin vắng mặt tại các buổi làm việc, các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chưng cứ và hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà khi xét xử nên theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Khoa. Ngày 13/8/2020, bà Trần Thị Hằng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt bà Hằng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa tự nguyện kết hôn vào năm 1995 tại Ủy ban nhân dân Nguyên Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 05/02/1995. Do đó, cần áp dụng các quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 8 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Khoa nghiện rượu, cờ bạc, nhiều lần ông Khoa đánh đập bà. Mỗi lần đánh đập bà, bà có báo chính quyền địa

phương, có thời gian ông Khoa bị đưa đi cải tạo 02 năm nhưng khi trở về vẫn không thay đổi, tính nào tật đó. Ngày 17/4/2020 Công an phường Long Bình, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Khoa về "hành vi lặng mạ, chì chiết, xúc phạm danh dự, nhân phẩm thành viên trong gia đình". Tuy bị ông Khoa nhiều lần đánh đập nhưng nghĩ về con cái nên bà đã cố bàu đựng nhưng ông Khoa càng ngày càng bạo lực hơn, đe doạ tính mạng của bà và các con. Từ tháng 3/2020 đến nay bà và ông Khoa sống ly thân với nhau, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Khoa. Xét yêu cầu ly hôn của bà Hằng là có cơ sở chấp nhận. Do vậy, việc bà Hằng xin ly hôn với ông Khoa là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: có 03 con chung là cháu Trần Thị Hồng Nhung, sinh ngày 19/11/1995, cháu Trần Thế Anh, sinh ngày 07/11/1999 và cháu Trần Mạnh Hùng, sinh ngày 18/01/2007. Ly hôn bà Hằng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hùng, ông Khoa cũng đồng ý giao cháu Hùng cho bà Hằng nuôi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu Hùng đang ở với bà Hằng, do bà Hằng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, để ổn định về việc học tập và sinh hoạt cho cháu Hùng, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Hằng, giao cháu Hùng cho bà Hằng chăm sóc, nuôi dưỡng, tạm thời ông Khoa không phải cấp dưỡng nuôi con cháu Hùng. Riêng cháu Nhung, cháu Anh đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ông Khoa được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về tài sản chung và nợ chung: Ý kiến của Hội thẩm nhân dân Chánh:Về tài sản chung: Bà Hằng và ông Khoa tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết; về nợ chung: Bà Hằng và ông Khoa khai không có, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.

- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Trần Thị Hằng phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Chánh: Bà Hằng và ông Khoa có quyeàn khaùng caùo trong thời haïn 15 ngaøy keå töø ngaøy nhaän ñöôïc baûn aùn hoaëc được tống đạt hợp lệ bản án.
- Ý kiến của Hội thẩm Kiên: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Chánh.
- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà thống nhất với ý kiến của hai hội thẩm nhân.
- Keát quaû bieåu quyeát: 3/3 nhaát trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 09 giờ 30 phút ngày 04 tháng 9 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Chánh Huỳnh Thị Kim Kiên Nguyễn Thị Quỳnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**